

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 46/2026/TT-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-NHNN quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

¹ Thông tư số 46/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 329/2025/NĐ-CP của Chính phủ về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-NHNN quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) do Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là CIC) làm đầu mối tổ chức, thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.² Vụ, Cục, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các khu vực, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước).

2.³ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng).

3. Tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng (sau đây gọi chung là tổ chức tự nguyện).

4. Khách hàng vay.

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thông tin tín dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là hoạt động thông tin tín dụng)* là hoạt động thu thập, trao đổi, xử lý, lưu giữ, bảo mật thông tin tín dụng, tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng và cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

2. *Thông tin tín dụng* là tập hợp các dữ liệu liên quan khoản cấp tín dụng của khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, khoản nợ của khách hàng vay do tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng quản lý.

3. *Khách hàng vay* là tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng), cá nhân được tổ chức tín dụng cấp tín dụng hoặc có nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng.

3a.⁴ *Ngân hàng thành viên* là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và Nghị định số 329/2025/NĐ-CP về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

4.⁵ *Người có liên quan của khách hàng vay* là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với khách hàng vay của tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

Riêng đối với ngân hàng thành viên, người có liên quan được xác định theo quy định tại Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

5. *Sản phẩm thông tin tín dụng* là báo cáo tín dụng, báo cáo chấm điểm, xếp hạng tín dụng hoặc các sản phẩm khác do CIC tạo lập trên cơ sở thông tin thu thập được theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

6. *Dịch vụ thông tin tín dụng* là dịch vụ cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng và các tiện ích khác của CIC.

7. *Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia* là tập hợp các thông tin tín dụng, sản phẩm thông tin tín dụng được thu thập, xử lý, lưu giữ, khai thác sử dụng trên hệ thống thông tin của CIC.

8. *Tổ chức tự nguyện* là tổ chức có hợp đồng trao đổi thông tin với CIC trên nguyên tắc tự nguyện cam kết cung cấp thông tin tín dụng và sử dụng dịch vụ thông tin tín dụng, bao gồm:

a) Quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo vệ môi trường, quỹ bảo lãnh tín dụng, tổ chức thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Doanh nghiệp có chức năng mua bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản;

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ cho vay, bảo hiểm bảo lãnh, cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

9. *Thông tin tiêu cực về khách hàng vay* là thông tin tín dụng về nợ xấu, vi phạm nghĩa vụ thanh toán và các thông tin bất lợi khác ảnh hưởng đến kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng vay (bao gồm thông tin phá sản, vi phạm hành chính và các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với khách hàng vay).

10. *Tổ chức thông tin tín dụng nước ngoài* là tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài về thông tin tín dụng.

Điều 4. Mục đích của hoạt động thông tin tín dụng

Hoạt động thông tin tín dụng nhằm tạo lập Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia để:

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2.⁶ Hỗ trợ tổ chức tín dụng trong hoạt động, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng.

2a.⁷ Hỗ trợ tổ chức tự nguyện trong hoạt động kinh doanh.

3. Hỗ trợ khách hàng vay tiếp cận nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu đời sống, kinh tế, xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ tổ chức khác tiếp cận thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động thông tin tín dụng

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đảm bảo tính khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đảm bảo chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời đối với thông tin tín dụng cung cấp cho CIC quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này.

Điều 6. An toàn, bảo mật thông tin tín dụng

CIC, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện, tổ chức khác được cung cấp thông tin tín dụng phải:

1. Có biện pháp bảo vệ thông tin tín dụng để chống lại mất mát, truy cập, sử dụng hoặc tiết lộ trái phép.

2. Có giải pháp khôi phục dữ liệu trong trường hợp dữ liệu bị lỗi, bị mất, bị hỏng và phương án khôi phục hoạt động sau khi dữ liệu bị lỗi, bị mất, bị hỏng.

3. Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về an toàn, bảo mật thông tin.

Điều 7. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thông tin tín dụng

1. Thu thập, cung cấp, trao đổi, sử dụng trái phép các thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật nhà nước.

2. Cố ý làm sai lệch nội dung thông tin tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trao đổi, cung cấp thông tin tín dụng sai đối tượng hoặc cho bên thứ ba trái quy định của pháp luật.

4. Lợi dụng các hoạt động thông tin tín dụng để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Cản trở hoạt động thu thập và khai thác thông tin tín dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Chương II

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 8. Thu thập thông tin

CIC được thu thập:

1. Thông tin tín dụng do tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện cung cấp theo quy định tại Thông tư này.
2. Thông tin từ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định liên quan khác của pháp luật.
3. Thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, các nguồn thông tin hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông tin tín dụng cung cấp cho CIC

1. Tổ chức tín dụng cung cấp cho CIC toàn bộ Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ, bao gồm các nhóm chỉ tiêu sau:

- a) Thông tin định danh về khách hàng vay;
- b) Thông tin về người có liên quan của khách hàng vay (đang được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho khách hàng vay);
- c) Thông tin về cho vay và các hoạt động cấp tín dụng khác (không bao gồm nhóm chỉ tiêu tại điểm d và điểm đ);
- d) Thông tin về thẻ tín dụng;
- đ) Thông tin mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm tổ chức tín dụng);
- e) Thông tin về biện pháp bảo đảm cấp tín dụng;
- g) Thông tin về hoạt động xử lý nợ xấu nội bảng;
- h) Thông tin ngoại bảng;
- i)⁸ Báo cáo tài chính năm (theo báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan Thuế hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán) của khách hàng vay là doanh nghiệp. Đối với khách hàng vay là tổ chức nước ngoài, sử dụng báo cáo tài chính năm lập theo Chuẩn mực kế toán quốc tế hoặc Chuẩn mực kế toán của quốc gia nơi đặt trụ sở.

2. Tổ chức tự nguyện cung cấp cho CIC toàn bộ hoặc một phần Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở hợp đồng trao đổi thông tin với CIC.

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

3.⁹ Việc cung cấp thông tin tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện dưới dạng dữ liệu điện tử theo Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng. Trường hợp một số nhóm hoặc toàn bộ các nhóm chỉ tiêu thông tin tín dụng không thể cung cấp được dưới dạng dữ liệu điện tử, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện có thể cung cấp bằng văn bản trên cơ sở thống nhất với CIC.

Điều 10. Thời hạn cung cấp thông tin tín dụng¹⁰

Thời hạn cung cấp các nhóm chỉ tiêu tại Điều 9 Thông tư này như sau:

1. Tổ chức tín dụng cung cấp theo tần suất quy định cụ thể tại Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng ban hành kèm theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. Tổ chức tự nguyện cung cấp theo tần suất quy định tại hợp đồng trao đổi thông tin với CIC.

Điều 11. Xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng

1. CIC sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật về nghiệp vụ tiếp nhận, chuẩn hóa, làm sạch, ghép nối và cập nhật để xử lý thông tin tín dụng của Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia.
2. Thông tin tín dụng được lưu giữ tại CIC trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày phát sinh.
3. Việc xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng phải bảo đảm tính toàn vẹn, đầy đủ, không bị sai lệch thông tin và khai thác, chiết xuất được theo nhu cầu của CIC.

Điều 12. Đối tượng, phạm vi được cung cấp thông tin tín dụng

1. Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng để phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.
2. Cơ quan quản lý nhà nước khác được cung cấp thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện được cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng trên cơ sở hợp đồng ký kết với CIC.
4. Khách hàng vay được cung cấp thông tin tín dụng của chính khách hàng vay theo hướng dẫn của CIC.
5. Tổ chức thông tin tín dụng nước ngoài được cung cấp, khai thác và trao đổi các sản phẩm thông tin tín dụng về khách hàng vay trên cơ sở biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng ký kết với CIC phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia mà tổ chức thông tin tín dụng nước ngoài được thành lập và hoạt động.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

6.¹¹ Tổ chức khác (nếu có).

7.¹² Việc cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay cho các tổ chức tự nguyện tại khoản 3, tổ chức thông tin tín dụng nước ngoài tại khoản 5 và tổ chức khác tại khoản 6 Điều này phải có sự đồng ý của khách hàng vay đó theo quy định của pháp luật có liên quan và đảm bảo tuân thủ theo hợp đồng thỏa thuận với CIC. Sự đồng ý của khách hàng vay được thể hiện bằng phương thức rõ ràng, cụ thể, có thể in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được.

Điều 13. Hạn chế cung cấp thông tin tín dụng

1. Thông tin tiêu cực về khách hàng vay chỉ được cung cấp trong thời gian tối đa 05 năm, kể từ ngày kết thúc thông tin tiêu cực đó, trừ trường hợp phục vụ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tự nguyện chỉ được cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng tương ứng với phạm vi cung cấp thông tin cho CIC theo hợp đồng trao đổi thông tin.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này và các quy định khác của pháp luật sẽ bị tạm dừng quyền khai thác dịch vụ thông tin tín dụng theo hợp đồng thỏa thuận với CIC.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của CIC

1. Đầu mối xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định về Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng.

2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc cung cấp thông tin tín dụng của tổ chức tín dụng và việc thực hiện hoạt động thông tin tín dụng của tổ chức tự nguyện theo hợp đồng ký kết với CIC.

3. Công khai các nguyên tắc, phạm vi sử dụng dịch vụ thông tin tín dụng, quy trình khai thác và sử dụng dịch vụ thông tin tín dụng, giá dịch vụ thông tin tín dụng.

4. Tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng để cung cấp theo đề nghị của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

5. Hỗ trợ đào tạo cán bộ về nghiệp vụ thông tin tín dụng theo nhu cầu của

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện.

6. Tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ.

7. Ban hành tiêu chí và tổ chức thực hiện việc đánh giá chất lượng cung cấp thông tin tín dụng cho CIC; áp dụng các biện pháp khuyến khích đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động thông tin tín dụng; đề xuất các đơn vị chức năng xử lý vi phạm quy định về hoạt động thông tin tín dụng.

7a.¹³ Làm đầu mối cung cấp, chia sẻ thông tin với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được đề nghị CIC hỗ trợ cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

2.¹⁴ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với CIC và các đơn vị liên quan thực hiện thanh tra hoạt động thông tin tín dụng tại tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3a Điều này.

3.¹⁵ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các khu vực chủ trì, phối hợp với CIC và các đơn vị liên quan thực hiện thanh tra hoạt động thông tin tín dụng tại tổ chức tín dụng trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3a Điều này.

3a.¹⁶ Việc thanh tra hoạt động thông tin tín dụng đối với ngân hàng thành viên thực hiện theo quy định về hoạt động thanh tra tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam cung cấp thông tin về các khoản nợ đã mua cho CIC định kỳ một lần một tháng theo các chỉ tiêu quy định tại Hệ thống chỉ tiêu theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

¹⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

1. Thiết lập cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tạo lập dữ liệu, kiểm soát dữ liệu cung cấp cho CIC; ban hành các quy định nội bộ và quản lý hệ thống chỉ tiêu thông tin tin dụng trong toàn hệ thống.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền khai thác, sử dụng dịch vụ thông tin tin dụng theo hợp đồng ký kết với CIC.

3. Cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ thông tin tin dụng do CIC tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

4. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với CIC và quy định liên quan của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tự nguyện

1.¹⁷ Đảm bảo có sự đồng ý của khách hàng vay về việc cung cấp thông tin tin dụng cho CIC để thực hiện hoạt động thông tin tin dụng theo quy định của Thông tư này và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Sự đồng ý của khách hàng vay phải được thể hiện bằng phương thức rõ ràng, cụ thể, có thể được in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền khai thác, sử dụng dịch vụ thông tin tin dụng theo thỏa thuận tại hợp đồng ký kết với CIC.

3. Cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ thông tin tin dụng do CIC tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

4. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với CIC và quy định liên quan của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng vay

1. Được khai thác miễn phí đối với thông tin tin dụng về chính khách hàng vay quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h khoản 1 Điều 9 và khoản 4 Điều 12 Thông tư này một lần trong một năm.

2. Sử dụng sản phẩm thông tin tin dụng về chính khách hàng vay theo hướng dẫn của CIC.

3. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền khai thác, sử dụng dịch vụ thông tin tin dụng theo quy định của CIC.

4. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của CIC và quy định liên quan của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU CHỈNH DỮ LIỆU SAI SÓT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Điều 19. Điều chỉnh dữ liệu sai sót

1. Trường hợp CIC phát hiện hoặc nghi ngờ dữ liệu có sai sót, CIC phối hợp với tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện để xem xét điều chỉnh lại dữ liệu theo trình tự sau:

a) Dữ liệu không đúng tiêu chuẩn như sai mẫu tệp, thiếu chỉ tiêu thông tin bắt buộc, trùng lặp thông tin hoặc các lỗi kỹ thuật khác, CIC gửi trả lại toàn bộ dữ liệu hoặc phần dữ liệu sai sót. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện phải chỉnh sửa và gửi lại dữ liệu báo cáo;

b) Dữ liệu nghi ngờ có sai sót được CIC gửi trả lại toàn bộ dữ liệu hoặc phần dữ liệu có nghi ngờ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện phải kiểm tra, xác minh lại dữ liệu và thông báo kết quả cho CIC, nếu có sai sót, thực hiện điều chỉnh dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện phát hiện dữ liệu tại CIC có sai sót, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện thông báo qua hệ thống điện tử hoặc gửi bằng văn bản đề nghị CIC điều chỉnh. Nếu CIC xác minh sai sót do CIC, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác minh sai sót, CIC thực hiện điều chỉnh dữ liệu theo yêu cầu.

3. Trường hợp phát hiện dữ liệu có sai sót, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện phải gửi lại dữ liệu thông tin tín dụng và có xác nhận (bằng văn bản hoặc phương thức xác nhận điện tử chữ ký số) của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền nêu rõ lý do sai sót và đề nghị CIC điều chỉnh dữ liệu sai sót đó.

4. Trường hợp khách hàng vay phát hiện thông tin tín dụng về chính khách hàng vay có sai sót, khách hàng vay đề nghị với CIC, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện (sau đây gọi là tổ chức tiếp nhận) điều chỉnh lại thông tin. Việc đề nghị điều chỉnh thực hiện qua hệ thống điện tử hoặc gửi bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do đề nghị và phải cung cấp các tài liệu, căn cứ chứng minh dữ liệu có sai sót.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, tổ chức tiếp nhận thông báo cho khách hàng vay về tính hợp lệ của đề nghị đó. Trường hợp cần bổ sung thông tin để giải quyết, tổ chức tiếp nhận thông báo để khách hàng vay cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu liên quan;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị hợp lệ, tổ chức tiếp nhận thực hiện giải quyết theo quy định. Trường hợp cần kiểm tra, xác minh nội dung đề nghị tại các cơ quan, tổ chức có liên quan, tổ chức tiếp nhận được kéo dài thời gian giải quyết đề nghị theo tình hình thực tế nhưng phải thông báo cho khách hàng vay biết về nguyên nhân kéo dài thời gian;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày điều chỉnh dữ liệu xong, tổ chức tiếp nhận thông báo cho khách hàng vay về kết quả điều chỉnh đó.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét hạn chế khai thác thông tin tín dụng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH¹⁸

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. CIC chủ động thực hiện chuyển đổi thông tin tín dụng trong vòng 05 năm trở về trước kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành theo Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng tại Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin chuyển đổi cho CIC trong trường hợp cần thiết.

2. Trong thời hạn 60 ngày từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, CIC thỏa thuận với tổ chức tự nguyện để ký lại hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã ký với CIC đảm bảo phù hợp với các quy định về thời hạn, phạm vi cung cấp thông tin tín dụng, cam kết tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin của Thông tư này và trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin chuyển đổi cho CIC theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 03/2013/TT-NHNN ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Thông tư số 27/2017/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-NHNN ngày 28 tháng 01 năm 2013 quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁸ Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các quy định tương ứng tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, các tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.”

Điều 23. Tổ chức thực hiện¹⁹

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, các tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

D

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.



Đoàn Thái Sơn

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 46/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.